

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành hình thức câu hỏi kiểm tra; miền (lĩnh vực) năng lực; danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Y học cổ truyền

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG Y KHOA QUỐC GIA

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 827/QĐ-TTg ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Y khoa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 05/2025/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Y khoa Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-BYT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt tài liệu “Chuẩn năng lực cơ bản của bác sĩ y học cổ truyền Việt Nam”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh tại Tờ trình số 116/TTr-XD-HĐYKQG ngày 17 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này hình thức câu hỏi kiểm tra; miền (lĩnh vực) năng lực; danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Y học cổ truyền.

Điều 2. Các trọng số của cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test Blueprint) có thể được điều chỉnh theo từng Kỳ kiểm tra trên cơ sở yêu cầu thực tiễn và do Hội đồng Y khoa Quốc gia quyết định.

Điều 3. Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung, kịp thời kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Ông/Bà: Phó Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia, Chánh Văn phòng Hội đồng Y khoa Quốc gia, Trưởng ban Ban Xây dựng Bộ công cụ đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Y tế (để báo cáo);
- GS.TS Trần Văn Thuấn, Thứ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Hội đồng (để báo cáo);
- Các đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Các Ban chuyên môn thuộc Hội đồng, các Tiểu ban thuộc các Ban chuyên môn;
- Các cơ sở đào tạo khối ngành Khoa học sức khỏe;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngô Quang

**HỘI ĐỒNG
Y KHOA QUỐC GIA**



PHỤ LỤC

**Hình thức câu hỏi kiểm tra; miền (lĩnh vực) năng lực;
danh mục các vấn đề chuyên môn thiết yếu; cấu trúc và ma trận đề kiểm tra
(Test Blueprint) cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề
khám bệnh, chữa bệnh đối với đối tượng Bác sĩ Y học cổ truyền
(Ban hành kèm Quyết định số **49** /QĐ-HĐYKQG ngày **20** tháng **8** năm 2026
của Chủ tịch Hội đồng Y khoa Quốc gia)**

1. Hình thức câu hỏi kiểm tra: Hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan, loại câu hỏi nhiều lựa chọn (Multiple Choice Questions – MCQs)

2. Miền (lĩnh vực) năng lực cho đối tượng Bác sĩ Y học cổ truyền: 05 miền năng lực, bao gồm: Năng lực hành nghề chuyên nghiệp và đạo đức, năng lực ứng dụng kiến thức cơ bản về Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại, năng lực chăm sóc Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại, năng lực giao tiếp và cộng tác, năng lực tổ chức và quản lý y tế.

3. Danh mục 126 vấn đề chuyên môn thiết yếu chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bác sĩ Y học cổ truyền:

STT	Nhóm vấn đề	Vấn đề chuyên môn cốt lõi
Y học cổ truyền kết hợp Y học hiện đại:		
1.	Tim mạch	Bệnh tim thiếu máu cục bộ mạn
2.		Tăng huyết áp
3.		Bệnh động mạch ngoại biên
4.		Giãn tĩnh mạch chi dưới
5.	Hô hấp	Viêm phế quản
6.		Hen phế quản
7.		Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
8.		Viêm họng cấp/mạn
9.	Thận tiết niệu	Nhiễm khuẩn đường tiết niệu
10.		Rối loạn tiểu tiện (Đái dầm)
11.	Nội tiết chuyển hóa	Đái tháo đường
12.		Rối loạn chuyển hóa lipid máu
13.		Béo phì



Handwritten signatures and initials in blue ink.

STT	Nhóm vấn đề	Vấn đề chuyên môn cốt lõi
14.	Huyết học	Thiếu máu
15.	Tiêu hóa	Viêm loét dạ dày tá tràng
16.		Hội chứng ruột kích thích
17.		Viêm gan mạn
18.		Xơ gan
19.		Viêm đại tràng mạn
20.		Trào ngược dạ dày thực quản
21.	Cơ xương khớp	Viêm khớp dạng thấp
22.		Bệnh gút
23.		Thoái hóa cột sống thắt lưng
24.		Thoái hóa khớp gối
25.		Đau lưng
26.		Thoái hóa cột sống cổ
27.		Loãng xương
28.		Đau vai gáy
29.		Viêm quanh khớp vai
30.	Thần kinh, tâm thần	Bệnh mạch máu não (Nhồi máu não/Xuất huyết não)
31.		Di chứng bệnh mạch máu não (Di chứng đột quỵ não)
32.		Đau đầu
33.		Chóng mặt
34.		Mất ngủ
35.		Hội chứng cổ vai cánh tay
36.		Đau thần kinh tọa
37.		Liệt VII ngoại biên
38.		Đau thần kinh sau Zona
39.		Viêm đa dây thần kinh
40.		Bệnh dây thần kinh liên sườn
41.		Đau thần kinh tam thoa
42.	Ngũ quan-Da liễu	Lẹo và chấy
43.		Ù tai
44.		Viêm mũi dị ứng
45.		Viêm mũi xoang cấp

[Handwritten signatures]

STT	Nhóm vấn đề	Vấn đề chuyên môn cốt lõi
46.		Mày đay
47.		Mụn trứng cá
48.		Viêm da cơ địa (chàm)
49.	Nhi khoa	Táo bón mạn tính chức năng ở trẻ em
50.		Tiêu chảy kéo dài ở trẻ em
51.		Suy dinh dưỡng ở trẻ em
52.		Đái dầm ở trẻ em
53.		Bại não
54.		Nhiễm trùng đường hô hấp trên cấp tính
55.		Hen phế quản ở trẻ em
56.		Viêm phế quản cấp ở trẻ em
57.		Truyền nhiễm
58.	Cảm lạnh	
59.	Sốt xuất huyết Dengue	
60.	Sốt	
61.	Sản phụ khoa	Kinh nguyệt không đều
62.		Rong kinh
63.		Vô kinh
64.		Đau bụng kinh
65.		Viêm âm đạo
66.		Thiếu sữa
67.		Nhiễm trùng tuyến vú liên quan đến đẻ (Áp xe vú, Viêm vú)
68.		Rối loạn tiền mãn kinh
69.	Ngoại khoa	Trĩ
70.		Sỏi tiết niệu
71.		Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt
72.		Vết thương phần mềm
Y học cổ truyền		
73.	Lý luận Y học cổ truyền	Học thuyết âm dương
74.		Học thuyết ngũ hành
75.		Học thuyết tạng tượng
76.		Học thuyết kinh lạc

STT	Nhóm vấn đề	Vấn đề chuyên môn cốt lõi
77.		Học thuyết thiên nhân hợp nhất
78.		Nguyên nhân gây bệnh Y học cổ truyền
79.	Chẩn đoán Y học cổ truyền	Tứ chẩn
80.		Biện chứng bát cương
81.		Biện chứng khí huyết
82.		Biện chứng tạng phủ
83.		Biện chứng kinh lạc
84.		Biện chứng lục kinh
85.		Biện chứng vệ khí dinh huyết và tam tiêu
86.		Nguyên tắc chữa bệnh Y học cổ truyền
87.		Bát pháp
88.	Thuốc cổ truyền	Thuốc giải biểu
89.		Thuốc thanh nhiệt
90.		Thuốc ôn lý trừ hàn, hồi dương cứu nghịch
91.		Thuốc an thần
92.		Thuốc chỉ khái, hóa đàm
93.		Thuốc tiêu đạo, nhuận hạ
94.		Thuốc hành khí
95.		Thuốc hoạt huyết
96.		Thuốc bổ
97.		Chế biến thuốc cổ truyền
98.	Phương tễ	Bài thuốc giải biểu
99.		Bài thuốc thanh nhiệt
100.		Bài thuốc trừ phong
101.		Bài thuốc trừ phong thấp
102.		Bài thuốc hòa giải
103.		Bài thuốc chỉ khái bình suyễn
104.		Bài thuốc lý khí lý huyết
105.		Bài thuốc bổ
106.	Kỹ thuật Y học cổ truyền	Cứu ngải
107.		Điện châm
108.		Hào châm

STT	Nhóm vấn đề	Vấn đề chuyên môn cốt lõi
109.		Khí công dưỡng sinh trị liệu
110.		Xoa bóp bấm huyệt
111.		Giác hơi
112.		Nhĩ châm
113.		Thủy châm
Y học hiện đại		
114.	Cấp cứu ban đầu	Ngưng tim ngưng thở
115.		Sốc phản vệ
116.		Rối loạn ý thức
117.		Khó thở cấp
118.		Bỏng
119.		Đau bụng cấp
120.		Dị vật đường thở
Thống kê, Dịch tễ và Khoa học xã hội trong Y học		
121.	Thống kê y học và Dịch tễ	Thống kê y sinh học và Diễn giải kết quả nghiên cứu
122.		Dịch tễ học và Sức khỏe dân số
123.	Khoa học xã hội trong Y học	Kỹ năng giao tiếp
124.		Y đức
125.		Tư vấn giáo dục sức khỏe
126.		Pháp luật và Chính sách y tế

4. Cấu trúc và ma trận đề kiểm tra (Test Blueprint) chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bác sĩ Y học cổ truyền:

4.1. Trọng số của 21 nhóm vấn đề (gồm hệ cơ quan và các vấn đề):

Tên nhóm vấn đề		Trọng số (tỉ lệ %)	
		Tối thiểu	Tối đa
1	Tim mạch	3	5
2	Hô hấp	2	4
3	Thận tiết niệu	2	4
4	Nội tiết chuyển hóa	2	5
5	Huyết học	1	3
6	Tiêu hóa	3	5
7	Cơ xương khớp	5	8

Tên nhóm vấn đề		Trọng số (tỉ lệ %)	
		Tối thiểu	Tối đa
8	Thần kinh, Tâm thần	4	9
9	Ngũ quan, Đa liễu	2	5
10	Nhi khoa	2	5
11	Truyền nhiễm	2	5
12	Sản phụ khoa	3	5
13	Ngoại khoa	2	4
14	Lý luận Y học cổ truyền	3	4
15	Chẩn đoán Y học cổ truyền	5	8
16	Thuốc cổ truyền	3	4
17	Phương tễ	3	4
18	Kỹ thuật Y học cổ truyền	3	4
19	Cấp cứu ban đầu	3	5
20	Thống kê y học và Dịch tễ	1	3
21	Khoa học xã hội trong Y học	1	3

4.2. Trọng số Lĩnh vực năng lực (Các trọng số có thể thay đổi theo kỳ kiểm tra):

STT	Nhóm lĩnh vực	Lĩnh vực kiểm tra đánh giá	Trọng số (tỉ lệ %)	
			Tối thiểu	Tối đa
1	Áp dụng khái niệm khoa học cơ bản	Áp dụng khái niệm khoa học cơ bản	4	7
2	Áp dụng kiến thức cơ sở Y học cổ truyền	Lý luận cơ bản	11	16
3		Nguyên nhân gây bệnh		
4		Thuốc cổ truyền		
5		Phương tễ		
6		Kỹ thuật thủ thuật		
7	Chẩn đoán Y học hiện đại	Bệnh sử, Khám thực thể	11	16
8		Cận lâm sàng, Xét nghiệm chẩn đoán		
9		Chẩn đoán		
10		Tiền lượng, Kết cục		
11	Điều trị Y học hiện đại	Duy trì sức khỏe, Phòng bệnh	9	14
12		Liệu pháp thuốc		
13		Can thiệp lâm sàng		
14		Xử trí phối hợp		



Handwritten signatures in blue ink.

STT	Nhóm lĩnh vực	Lĩnh vực kiểm tra đánh giá	Trọng số (tỉ lệ %)	
			Tối thiểu	Tối đa
15	Chẩn đoán Y học cổ truyền	Bát cương	18	25
16		Tạng phủ, Kinh lạc		
17		Nguyên nhân		
18		Bệnh danh		
19	Điều trị Y học cổ truyền	Điều trị bằng thuốc	18	25
20		Điều trị bằng châm cứu		
21		Điều trị bằng không dùng thuốc khác		
22	Tổng kê, Dịch tễ và Khoa học xã hội trong Y học (đạo đức, giao tiếp, tổ chức và quản lý y tế)		3	5

4.3. Trọng số Mức độ nhận thức theo thang Bloom chuẩn bị cho Kỳ kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Y học cổ truyền:

STT	Mức độ nhận thức	Trọng số
1	Nhớ	
2	Hiểu	
3	Áp dụng	100% từ mức áp dụng đến đánh giá
4	Phân tích	
5	Đánh giá	
6	Sáng tạo	



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]